

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30-8- 2024

V/v “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Kha

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Hạnh

2. Ông Phạm Việt Linh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Thái- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tham gia phiên tòa:**  
Ông Trần Phương Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 88/2024/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2024/QĐXX-ST ngày 12 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thanh H - sinh năm 1993

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

**Bị đơn:** Anh Trần Minh T - sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1/ Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:**

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Trần Minh T có tìm hiểu và kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là phường P). Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không tin tưởng

nhau nên thường xuyên cãi nhau. Hiện vợ chồng đã sống ly thân năm 2019. Nay chị H không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Trần Minh T có 01 người con chung tên Trần Ngọc Cẩm T1 – sinh ngày 31/10/2017. Hiện các con chung đang sống chung với chị H. Khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Chị H khai không có

## **2/ Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Minh T trình bày:**

Về hôn nhân: Anh Trần Minh T và chị Nguyễn Thị Thanh H kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là phường P). Trong cuộc sống có mâu thuẫn bất đồng, thường xuyên cãi nhau. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Vì vậy việc chị H yêu cầu ly hôn thì anh T đồng ý.

Về con chung: Anh Trần Minh T và chị Nguyễn Thị Thanh H 01 người con chung tên Trần Ngọc Cẩm T1 – sinh ngày 31/10/2017. Hiện con chung đang sống chung với chị H. Khi ly hôn anh Trần Minh T đồng ý giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Anh Tú khai không có.

## **Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật Tố tụng dân sự:**

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Đề nghị cho chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn anh Trần Minh T.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Trần Ngọc Cẩm T1 – sinh ngày 31/10/2017 cho chị Nguyễn Thị Thanh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng chị H không yêu cầu nên không xem xét

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### **[1] Về tố tụng**

**[1.1] Về thẩm quyền:** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn với bị đơn anh Trần Minh T ở tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ.

**[1.2]** Chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Trần Minh T đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

**[2] Về nội dung:** Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng:

**[2.1] Về hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Trần Minh T tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là phường P), do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hoàn toàn hợp pháp. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Từ đó vợ chồng đã sống ly thân. Mặc khác qua xác minh tại Hội phụ nữ phường P cho biết thì vợ chồng chị H và anh T hiện nay không sống chung. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử cho chị H được ly hôn với anh T

**[2.2] Về con chung:** Vợ chồng chị H và anh T có 01 người con chung tên Trần Ngọc Cẩm T1 – sinh ngày 31/10/2017. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị H thì thấy rằng: Hiện con chung đang sống với chị H, việc chị H yêu cầu nuôi con thì anh T đồng ý. Vì vậy để đảm bảo mọi mặt của cháu T1 nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu Trần Thị Cẩm T2 cho chị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng cho con: Chị Nguyễn Thị Thanh H không yêu cầu nên không xem xét.

Anh Trần Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

**[2.3] Về tài sản chung:** Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Trần Minh T đều không yêu cầu tòa án giải quyết.

**[2.4] Về nợ chung:** Chị Nguyễn Thị Thanh H, chị anh Trần Minh T đều khai không có.

**[3] Về án phí:** Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Buộc chị Nguyễn Thị Thanh H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn. Được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số 0002653 ngày 01/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ.

**[4]** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H

**1. Về hôn nhân:** Cho chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn anh Trần Minh T

**2. Về con chung:** Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Trần Minh T có 01 người con chung tên Trần Ngọc Cẩm T1 – sinh ngày 31/10/2017. Giao cháu Trần Thị Cẩm T2 cho chị Nguyễn Thị Thanh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng cho con: Chị Nguyễn Thị Thanh H không yêu cầu nên không xem xét.

Anh Trần Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

**3. Về tài sản chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4. Về nợ chung:** Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Trần Minh T khai không có

**5. Về án phí:** Buộc chị Nguyễn Thị Thanh H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn. Được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số 0002653 ngày 01/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ.

**6. Về quyền kháng cáo:** Chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Trần Minh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- TAND tỉnh;
- THADS thị xã Đức Phổ;
- UBND phường Phổ Thạnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

**Nguyễn Minh Kha**